

Bản án số: 50/2017/HSST
Ngày: 02/8/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hiền
Ông Trần Văn Hưng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre
tham gia phiên toà: Ông Phan Minh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 46/2017/HSST ngày 05 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo:

1.HUỖNH QUỐC M, sinh năm: 1989, tại tỉnh Bến Tre;

Nơi cư trú: ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre;

Nghề nghiệp: không;

Trình độ văn hoá: 4/12;

Con ông Huỳnh Quốc N, sinh năm 1970;

Con bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1970;

Bản thân chưa có vợ con.

-Tiền án:

+ Tại bản án số 44/2013/HSST ngày 02/7/2013 của bị Tòa án huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xử phạt bị cáo 03 năm tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 BLHS.

+ Tại bản án số 58/2016/HSST ngày 30/8/2016, của Tòa án nhân dân thị xã Bến Tre (nay là thành phố Bến Tre) xử phạt bị cáo 09 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS.

- Tiền sử:

+ Tại Quyết định số 54/QĐ-XPHC ngày 25/5/2016, của Công an phường Phú Khương, thành phố Bến Tre xử phạt bị cáo vi phạm hành chính 1.500.000 đồng, về hành vi “Trộm cắp tài sản”

- Bị cáo bị bắt khẩn cấp tạm giữ từ ngày 12/4/2017, sau đó chuyển tạm giam từ ngày 15/4/2017 cho đến nay. (có mặt)

2. PHẠM Q, sinh năm: 1993, tại tỉnh Bến Tre;
Nơi cư trú: ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Nghề nghiệp: Không;

Trình độ văn hoá: 7/12;

Con ông Phạm Văn R, sinh năm 1966;

Con bà Phạm Thị Thu T;

Bản thân chưa có vợ con.

-Tiền án: Không

-Tiền sự:

+ Ngày 12/8/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thạnh An ban hành Quyết định số 146/QĐ-UBND về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường thời hạn 06 tháng, về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”;

+ Ngày 19/9/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre ban hành quyết định số 1009/QĐ-UBND về việc đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 24 tháng, về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”;

+ Ngày 15/7/2016, Công an xã Mỹ Thạnh An ra quyết định số 07/QĐ-XPVPHC xử phạt hành chính 750.000 đồng, về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Bị cáo bị bắt khẩn cấp tạm giữ từ ngày 12/4/2017, sau đó chuyển tạm giam từ ngày 15/4/2017 cho đến nay. (Có mặt)

* Người bị hại:

- Trần Thị Phương L, sinh năm: 1990; (có mặt)

Nơi cư trú: ấp N, xã NT, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Nguyễn Thị N, sinh năm: 1970; (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

* Người làm chứng:

-Lê Văn T, sinh năm: 1977; (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp N, xã NT, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

-Nguyễn Bá T, sinh năm 1974; (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Phạm Văn R, sinh năm 1966; (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

NHẬN THẤY

Bị cáo Huỳnh Quốc M và Phạm Q bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 16 giờ ngày 12/4/2017, Huỳnh Quốc M đang ngồi chơi tại công viên bờ kè gần cầu tạm ở xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre thì Phạm Q đến rủ M đi trộm cắp tài sản thì Minh đồng ý. Để thực hiện ý định, M điều khiển xe mô tô biển số 71B2-556.84 (xe của bà Nguyễn Thị N, mẹ ruột của M) chở Q hướng từ xã Mỹ Thạnh An vào xã Nhơn Thạnh để tìm tài sản lấy trộm. Khi đến đường vào nhà của chị Trần Thị Phương L ở, ấp N, xã NT, thành phố B, M dừng xe lại và một mình đi bộ vào sân nhà của chị L, còn Q đứng ngoài xe chờ. Khi vào đến sân nhà của chị L, M thấy chiếc mô tô biển số 83H7 6458 của chị L đang dựng ở sân và chìa khóa vẫn cắm trong ổ khóa. Thấy vậy, M lên đến lấy chìa khóa mở ổ khóa yên xe của chị L để tìm tài sản lấy trộm nhưng không mở được nên đi trở ra nói cho Q biết và kêu Q vào mở. Nghe vậy, Q đi vào lấy chìa khóa mở khóa cốp yên xe của chị L thì mở được và lấy trong cốp xe 01 cái bóp bên trong có 12.400.000 đồng, 03 USD (đô la Mỹ), 02 thẻ ATM, 01 giấy chứng minh nhân dân, 02 thẻ bảo hiểm y tế và một số giấy tờ khác của chị L, rồi chạy ra xe để M chở tẩu thoát. Khi về đến cầu Lò Ô, M điều khiển xe chở Q rẽ vào hẻm bê tông khoảng 100m thì dừng xe lại. Tại đây, Q lấy 03 đô la Mỹ cất giữ riêng và lấy 10.000.000 đồng trong bóp vừa trộm được của chị L đưa cho M, M chia đôi cho Q 5.000.000 đồng, còn cái bóp và giấy tờ đựng bên trong Q quăng bỏ xuống mương nước gần đó. Chia tiền xong, M quay xe trở lại rồi tiếp tục chở Q về, nhưng khi cả hai về đến công viên bờ kè gần cầu tạm thì phát hiện có lực lượng Cảnh sát 113 truy đuổi, nên Q xuống xe đi bộ và lấy số tiền được chia trong vụ trộm ném bỏ thì bị lực lượng Công an bắt giữ. Còn M sau khi chạy về nhà và cất giấu số tiền được chia trong vụ trộm vào trong đầu đĩa VCD thì cũng bị lực lượng Công an bắt giữ.

Vật chứng thu giữ:

- 2.774.000 đồng [trong đó Nguyễn Bá T nhật và giao nộp là 544.000 đồng; Ông Phạm Văn R (cha của Q) giao nộp 1.220.000 đồng và Phạm Q giao nộp 1.000.000 đồng];

- Thu tại khu vực dưới lòng rạch gần cầu bê tông cách đầu hẻm Lò Ô 100m thuộc tổ nhân dân tự quản số 8, ấp An Thạnh A, xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre:

+ 01 giấy chứng minh nhân dân số 321611000;

+ 01 thẻ bảo hiểm y tế số DN4740056401178 cấp ngày 24/6/2016;

- + 01 thẻ bảo hiểm y tế số DN4740056401178 cấp ngày 22/9/2016
- + 01 thẻ ATM của Ngân hàng Vietcombank;
- + 01 thẻ ATM của Ngân hàng BIDV;
- + 01 thẻ bảo hiểm tai nạn và chi phí y tế của Tổng công ty cổ phần Bảo Minh - Công ty Bảo Minh Gia Định và 01 thẻ khách hàng số HSKH 01698076 mang tên Trần Thị Phương L;
- + 01 thẻ thành viên Co.op Mart số 4748310 mang tên Dương Nhựt P;
- + 01 thẻ BHYT số HS4830103902618 mang tên Dương Thị Phương N cấp ngày 23/9/2016;
- + 02 bao lì xì màu đỏ.

-Thu của Huỳnh Quốc M: 01 xe mô tô biển số 71B2 556.84, nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius FI, màu sơn đen – xanh, số máy 1FC 4033460, số khung FC40FY033459 và 305.000 đồng.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Huỳnh Quốc M, lực lượng Công an tiếp tục thu giữ tại vị trí để đĩa của đầu đĩa loại DVD màu vàng, hiệu Ariang R3-3CN tiền Việt Nam: 5.000.000 đồng.

Theo bảng kết luận định giá tài sản số 511/KL-HĐĐG ngày 25/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Bến Tre kết luận: 01 bóp da màu đen có chữ Sắc Ngọc Khang, hình chữ nhật kích thước 10x25cm, trị giá vào ngày 12/4/2017: 120.000 đồng; 03 đôla Mỹ (một tờ mệnh giá 02 đôla Mỹ và một tờ mệnh giá 01 đôla Mỹ) trị giá vào ngày 12/4/2017: giá mua 67.830 đồng, giá bán 68.100 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 45/KSĐT-KT ngày 03 tháng 7 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Huỳnh Quốc M về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự và Phạm Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Huỳnh Quốc M và bị cáo Phạm Q, đề nghị:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Huỳnh Quốc M từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Q từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Phần xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 41, 42 Bộ luật Hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã giao trả cho chị Trần Thị Phương L số tiền 8.079.000 đồng, 03 đôla

Mỹ, 01 giấy chứng minh nhân dân, 03 thẻ bảo hiểm y tế, 02 thẻ ATM, 01 thẻ bảo hiểm tai nạn và chi phí y tế, 02 thẻ khách hàng và 02 bao lì xì; giao trả cho bà Nguyễn Thị N chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển số 71B2-556.84.

Áp dụng các Điều 584, 585, 856 và Điều 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Huỳnh Quốc M và bị cáo Phạm Q có trách nhiệm bồi thường cho chị Trần Thị Phương L số tiền 4.000.000 đồng.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì bị cáo không có tài sản, áp dụng hình phạt bổ sung là không khả thi.

Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã truy tố, đồng thời yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người bị hại là chị L có lời trình bày: Đề nghị các bị cáo bồi thường cho chị L số tiền bị mất chưa nhận lại đủ 4.000.000 đồng và đề nghị xử lý các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố Bến Tre, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng vắng mặt, kiểm sát viên đề nghị xét xử vắng mặt những người này. Hội đồng xét xử xét, thấy việc vắng mặt những người này không ảnh hưởng đến nội dung vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng là phù hợp quy định tại Điều 191, 192 Bộ luật hình sự.

[2] Tại phiên tòa bị cáo M và bị cáo Q khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, những người làm chứng; phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, tang vật thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 12/4/2017, tại sân nhà số 86A, ấp N, xã NT, thành phố B, tỉnh Bến Tre, Huỳnh Quốc M và Phạm Q đã có hành vi câu kết với nhau lén lút chiếm đoạt của chị Trần Thị Phương L 01 cái bóp da trị giá 120.000 đồng, 03 đô la Mỹ trị giá 67.830 đồng và 12.400.000 đồng tiền mặt để trong bóp da. Tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt của bị hại L là 12.588.100 đồng.

[3] Các bị cáo Huỳnh Quốc M và Phạm Q là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận biết được hành vi của các bị cáo bị pháp luật cấm nhưng xuất phát từ động cơ vụ lợi các bị cáo đã cố ý cùng lên lút chiếm đoạt tài sản của chị Loan với tổng giá trị là 12.588.100 đồng. Bị cáo M đã hai lần bị kết án (tái phạm), chưa được xóa án tích nay tiếp tục phạm tội do cố ý. Như vậy hành vi của bị cáo Minh đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS là có căn cứ, đúng luật định, bị cáo Q phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự như cáo trạng đã truy tố.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn các bị cáo thực hiện tội phạm, gây tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, sinh hoạt hằng ngày.

[5] Đây là vụ đồng phạm mang tính đơn giản. Các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ. Bị cáo Q ban đầu là người rủ rê, Q và M đều thể hiện tính tích cực ngang nhau cùng vai trò là người thực hành. Các bị cáo lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản trong việc quản lý dễ dàng thực hiện trót lọt hành vi phạm tội. Bị cáo M phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng. Xét tình tiết tăng nặng, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Xét nhân thân các bị cáo đều có nhân thân xấu. Xét tình tiết giảm nhẹ, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, phạm tội gây thiệt hại không lớn theo quy định tại điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo M còn được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ như bồi thường một phần thiệt hại, có người thân là người có công được tặng thưởng huân huy chương được quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Q trước đó có hai lần bị kết án (đã được xóa án tích) nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xét việc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Về biện pháp tư pháp:

Bị cáo M và bị cáo Q cùng chiếm đoạt tài sản của chị L tổng cộng là 12.588.100 đồng, đã thu hồi trả lại cho chị L được 8.079.000 đồng, 03 đô la Mỹ, 01 cái bóp da chị L không yêu cầu bồi thường, còn lại 4.321.000 đồng chưa trả. Chị L chỉ yêu cầu các bị cáo bồi thường tiếp số tiền 4.000.000 đồng. Do đó buộc bị cáo M và bị cáo Q phải liên đới bồi thường cho chị L số tiền 4.000.000 đồng, trong đó mỗi bị cáo là 2.000.000 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng:

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã giao trả cho chị Trần Thị Phương L số tiền 8.079.000 đồng, 03 đô la Mỹ, 01 giấy chứng minh nhân dân, 03 thẻ bảo hiểm y tế, 02 thẻ ATM, 01 thẻ bảo hiểm tai nạn và chi phí y tế, 02 thẻ khách hàng và 02 bao lì xì; giao trả cho bà Nguyễn Thị N chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển số 71B2-556.84.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có tài sản nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm các bị cáo Huỳnh Quốc M và Phạm Q phải nộp theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Huỳnh Quốc M và Phạm Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1.1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm g, b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Huỳnh Quốc M 02 (hai) năm tù;

Thời hạn tù tính từ ngày 12/4/2017.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Phạm Q 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù;

Thời hạn tù tính từ ngày 12/4/2017.

2. Áp dụng 42 Bộ luật hình sự; Các Điều 357, 584, 585, 587 và Điều 589 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Huỳnh Quốc M và Phạm Q phải liên đới bồi thường cho chị Trần Thị Phương L số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng, trong đó phần mỗi bị cáo là 2.000.000 (hai triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền bồi thường nêu trên nếu chưa được thi hành thì hàng tháng còn phải trả lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã giao trả cho chị Trần Thị Phương L số tiền 8.079.000 đồng, 03 đôla Mỹ, 01 giấy chứng minh nhân dân, 03 thẻ bảo hiểm y tế, 02 thẻ ATM, 01 thẻ bảo hiểm tai nạn và chi phí y tế, 02 thẻ khách hàng và 02 bao lì xì; giao trả cho bà Nguyễn Thị N chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển số 71B2-556.84.

4. Áp dụng các Điều 23, Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Huỳnh Quốc M và bị cáo Phạm Q mỗi bị cáo phải nộp là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Bị cáo Huỳnh Quốc M và bị cáo Phạm Q phải liên đới nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, trong đó phần mỗi bị cáo phải nộp là ½.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Công an thành phố Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã Mỹ Thạnh An (1b);
- Những người tham gia tố tụng (04b);
- Bộ phận thi hành án hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng; hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Ngô Văn Trình